

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2020
V/v xin ly hôn, tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Ngọc
2. Bà Hà Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cà Văn K, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản M, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Chị Khoàng Thị Q, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản M, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Cà Văn K trình bày như sau:

Anh và chị **Khoàng Thị Q** kết hôn với nhau từ năm 2011 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên

vào ngày 04/3/2011 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi cọ và ngày càng không hiểu nhau. Do đó, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đến tháng 4/2019, **chị Q** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Điện Biên. Mặc dù anh cùng gia đình đã lên đón và cố gắng liên lạc, thuyết phục vợ quay về nhưng **chị Q** không đồng ý. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay và không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với **chị Q**.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Cà Thị Ngọc A, sinh ngày 24/9/2011 và cháu Cà Minh B, sinh ngày 03/9/2013. Khi ly thân, cả hai cháu đều ở với anh và ông bà nội. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu **chị Q** phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh K xác nhận, trong thời kỳ hôn nhân, anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

*Tại bản tự khai ngày 14/6/2020, bị đơn chị **Khoàng Thị Q** trình bày:*

Chị Q xác định chị và anh K kết hôn từ năm 2011 do cả hai bên tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên. Anh chỉ có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới, anh chị sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không hòa hợp về tính cách nên đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2019 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh K có đơn xin ly hôn, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: **Chị Q** xác nhận, anh chị có 02 con chung là cháu Cà Thị Ngọc A, sinh ngày 24/9/2011 và cháu Cà Minh B, sinh ngày 03/9/2013. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh K, nếu ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng và nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung và nợ chung: **Chị Q** xác định không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh K và **chị Q** tại Ban quản lý Bản M, gia đình anh K. Qua xác minh xác định: Anh K và **chị Q** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn theo quy định và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với gia đình anh K tại bản M, xã B. Đến tháng 4/2019, vợ chồng anh K **chị Q** xảy ra mâu thuẫn, **chị Q** bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó đến nay. Trong

thời gian ly thân, **chị Q** vẫn có hộ khẩu thường trú tại bản M nhưng thỉnh thoảng mới về thăm con, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó, tình trạng hôn nhân của anh K và **chị Q** đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa. Về con chung, anh chị có 02 con chung, hiện do anh K trực tiếp chăm sóc giáo dục, **chị Q** không quan tâm gì đến con cái. Vì vậy, khi giải quyết ly hôn nên giao con cho anh K trực tiếp chăm sóc. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản làm việc ghi ý kiến của các con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Cà Thị Ngọc A và Cà Minh B đều có nguyện vọng được ở cùng bố Cà Văn K khi bố mẹ ly hôn.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của anh Cà Văn K về việc xin ly hôn và vấn đề về con chung với chị Khoảng Thị Quỳnh. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, bị đơn chị **Khoàng Thị Q** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có xác nhận của UBND xã **B**, huyện Mai Sơn. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Cà Văn K và chị **Khoàng Thị Q** kết hôn với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã Pa Ham, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2011. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi cọ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt nên đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay và không ai còn quan tâm gì đến nhau. Anh Khương xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với **chị Q**. **Chị Q** cũng không có biện pháp nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng thể hiện rõ vợ chồng anh chị đã không sống cùng nhau từ tháng 4/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh K và **chị Q** trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa anh Cà Văn K và chị **Khoàng Thị Q**.

[2.2] Về con chung: Anh K và **chị Q** có 02 con chung là cháu Cà Thị Ngọc A, sinh ngày 24/9/2011 và cháu Cà Minh B, sinh ngày 03/9/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không đề nghị **chị Q** phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. **Chị Q** không thể hiện nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng và nguyện vọng của các cháu. Qua xác minh tại địa phương thấy rằng, trong thời gian ly thân, cả 02 con chung của anh chị do anh K trực tiếp chăm sóc giáo dục, **chị Q** không quan tâm gì đến các con. Hiện tại, anh K làm nông nghiệp, có nơi cư trú rõ ràng, có sự hỗ trợ của ông bà nội trong việc chăm sóc các con. Trong khi **chị Q** thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên không thể trực tiếp chăm sóc các con. Các cháu cũng thể hiện nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố. Vì vậy, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt cho các con chung, cần chấp nhận nguyện vọng của anh K và các cháu, giao cháu Cà Thị Ngọc A, sinh ngày 24/9/2011 và cháu Cà Minh B, sinh ngày

03/9/2013 cho anh Cà Văn K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. **Chị Q** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K do anh K không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K và **chị Q** đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Qua xác minh thể hiện, sau khi kết hôn, anh K và **chị Q** sống cùng với gia đình chồng, anh chị không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.5] *Về án phí*: Anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Cà Văn K và chị **Khoàng Thị Q**.
2. Về con chung: Giao cháu Cà Thị Ngọc A, sinh ngày 24/9/2011 và cháu Cà Minh B, sinh ngày 03/9/2013 cho anh Cà Văn K trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). **Chị Q** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K do anh K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, **chị Q** được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh K và **chị Q** xác nhận không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.
4. Về án phí: Anh Cà Văn K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004228 ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Văn Thịnh